

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124./2026/CBTT

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP ILA thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã soát xét (BCTC) riêng Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ Phần ILA**

Mã chứng khoán: ILA

Địa chỉ: 49 Đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, Phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ/Tel: 0782 168 168 Fax:

Email: info@ilagroup.com.vn Website: ilagroup.com.vn

Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét 6 tháng đầu năm 2026):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét 6 tháng đầu năm 2026):

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/8/2026 tại đường dẫn: <http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-16.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026
- Văn bản giải trình số 125./2026/ILA-CV.GT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Hoàng Như Huế



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	06-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11-33

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ILA trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018.

Công ty Cổ phần ILA thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 ngày 06/8/2026 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: ILA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ILA JSC

Mã chứng khoán: ILA

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trụ sở chính: 49 Đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: 101/14 Đường số 11, Khu phố 34, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Nhật Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Hoàng Dũng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30/6/2026)
Ông Nguyễn Minh Triều	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 30/6/2026)
Ông Lê Anh Thông	Thành viên
Ông Trần Minh Chương	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Viết Hoàng Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30/6/2026)
Ông Nguyễn Minh Triều	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30/6/2026)
Ông Lê Nhật Nguyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2026)
Ông Võ Xuân Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2026)

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Hoàng Như Huế	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23/4/2026)
Ông Hoàng Minh Khánh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 10/4/2026)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Bà Hoàng Như Huế	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (“Moore AISC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không còn thích hợp;

Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kế toán phù hợp nhằm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản và thiết lập các kiểm soát cần thiết nhằm phòng ngừa và phát hiện gian lận hoặc sai sót. Tổng Giám đốc xác nhận rằng, tại thời điểm lập báo cáo, không có thông tin về gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ liên quan đến Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc các đơn vị thành viên hoặc các cá nhân giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo đây, Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của toàn Tập đoàn.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Thay mặt và đại diện Công ty



Hoàng Như Huế

Tổng Giám đốc

Số: A0726347-SXR/MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần ILA** (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của **Công ty Cổ phần ILA** tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh IX.4 - Thông tin về hoạt động liên tục trong bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Trong 06 tháng đầu năm 2026, Công ty bị lỗ 5.094.793.173 VND dẫn đến lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2026 là 19.285.959.845 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh IX.4 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Đỗ Thị Hằng

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 4226-2023-005-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.402.023.069	12.690.161.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.251.987	34.632.654
1. Tiền	111		21.251.987	34.632.654
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	11.525.600.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		11.525.600.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.393.877.201	12.598.508.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	544.865.574	513.224.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	104.000.000	332.784.657
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	2.050.011.627	11.856.500.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(305.000.000)	(104.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	349.379.508	-
1. Hàng tồn kho	141		349.379.508	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		111.914.373	57.020.277
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		10.832.914	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		44.161.343	100.161
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.11b	56.920.116	56.920.116
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166.148.246.631	170.883.788.547
I. Tài sản cố định	220		125.491.753	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	125.491.753	-
- Nguyên giá	222		131.501.248	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.009.495)	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2b	166.022.754.878	170.883.788.547
1. Đầu tư vào công ty con	261		186.250.000.000	186.250.000.000
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(20.227.245.122)	(15.366.211.453)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		180.550.269.700	183.573.950.314

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.421.919.545	1.350.806.986
I. Nợ ngắn hạn	310		3.421.919.545	1.350.806.986
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	86.192.900	273.751.280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	97.937.856	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.11a	36.333.336	2.837.375
4. Phải trả người lao động	315		37.834.788	67.764.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	67.166.457	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	6.454.208	6.454.208
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14	3.090.000.000	1.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	177.128.350.155	182.223.143.328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.414.310.000	196.414.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.414.310.000	196.414.310.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(19.285.959.845)	(14.191.166.672)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(14.191.166.672)	963.966.414
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(5.094.793.173)	(15.155.133.086)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		180.550.269.700	183.573.950.314

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Văn Phúc

Hoàng Như Huế



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.835.028.185	5.639.265.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.835.028.185	5.639.265.090
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.686.375.084	5.087.302.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		148.653.101	551.962.524
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	483.259.516	26.106
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	4.942.086.564	199.360.663
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		80.656.895	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	779.766.762	464.801.742
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26))	30		(5.089.940.709)	(112.173.775)
12. Thu nhập khác	31		2	16.000.242
13. Chi phí khác	32		4.852.466	137.369.831
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.852.464)	(121.369.589)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.094.793.173)	(233.543.364)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(5.094.793.173)	(233.543.364)

Người lập

Nguyễn Văn Phúc

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Hoàng Như Huế



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.094.793.173)	(233.543.364)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.6	6.009.495	-
- Các khoản dự phòng	03	VI.4,5	5.062.033.669	221.560.663
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(483.245.627)	-
- Chi phí đi vay	06	VI.4	80.656.895	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(429.338.741)	(11.982.701)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		4.744.282.080	1.064.866.088
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(349.379.508)	(6.166.666)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(86.053.898)	(22.156.539.117)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí chờ phân bổ	12		(10.832.914)	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(13.490.438)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.855.186.581	(21.109.822.396)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(131.501.248)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.082.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.026.400.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	19.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		228.534.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.958.567.248)	19.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VIII.2.	2.390.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VIII.3.	(300.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.090.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(13.380.667)	(2.109.822.396)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.632.654	2.149.229.150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	21.251.987	39.406.754

Người lập

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Văn Phúc

Hoàng Như Huê



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

I.1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018.

Công ty Cổ phần ILA thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 ngày 06/8/2026 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: ILA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ILA JSC

Mã chứng khoán: ILA

Trụ sở chính: 49 Đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: 101/14 Đường số 11, Khu phố 34, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

I.2. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

I.3. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

I.4. Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

I.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

I.6. Số người lao động tại thời điểm cuối kỳ (hoặc số lượng người lao động bình quân trong kỳ)

Tổng số người lao động đến ngày 30 tháng 6 năm 2026: 02 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 03 nhân viên).

I.7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần ILA E&C Địa chỉ: 101/14 Đường Số 11, Khu Phố 34, Phường Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án.	98,00%	98,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I.7. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Danh sách các công ty con

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA Địa chỉ: 129 Tầng Bạt Hồ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Khai thác mỏ và sản xuất các sản phẩm từ mỏ đá	98,00%	98,00%

I.8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Do sự khác biệt về nguyên tắc ghi nhận, đo lường và trình bày giữa hai thông tư, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính kỳ này không hoàn toàn so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước. Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu kỳ trước. Các ảnh hưởng trọng yếu của việc thay đổi thông tư đã được trình bày tại các thuyết minh có liên quan.

I.9. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Giám đốc đã xác định có một số yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, trên cơ sở các kế hoạch đã được xây dựng và đang triển khai, Tổng Giám đốc cho rằng Công ty vẫn có khả năng tiếp tục hoạt động liên tục. Các yếu tố không chắc chắn trọng yếu và các biện pháp xử lý của Tổng Giám đốc được trình bày tại Thuyết minh số IX.4. "Thông tin hoạt động liên tục" của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

II.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

II.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).
Trong kỳ kế toán, Công ty không có thay đổi về đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán so với năm trước.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

III.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") và các quy định có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

IV.1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng Đồng Việt Nam (VND), do đó không phát sinh việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

IV.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi, khoản cho vay và lãi cho vay mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm thu lãi. Các khoản đầu tư này không bao gồm các công cụ tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua và chi phí giao dịch), có điều chỉnh chiết khấu, phụ trội hoặc lãi nhận trước phát sinh tại thời điểm mua. Sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc, các khoản đầu tư được xác định theo giá trị phân bổ. Chiết khấu, phụ trội được phân bổ vào doanh thu tài chính theo phương pháp đường thẳng hoặc lãi suất thực tế, áp dụng nhất quán phương pháp đã lựa chọn cho từng loại khoản đầu tư.

Doanh thu lãi được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích dựa trên thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế. Lãi nhận trước được phân bổ dần; lãi nhận sau/định kỳ được ghi nhận theo từng kỳ phát sinh. Khi đáo hạn hoặc thanh lý trước hạn, chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị ghi sổ (sau khi trừ dự phòng và chi phí liên quan) được ghi nhận vào kết quả hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại ngày báo cáo, nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất theo quy định hiện hành. Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và trình bày trên tài khoản dự phòng tổn thất tài sản.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con phản ánh nguồn vốn góp tại các đơn vị có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập mà Công ty nắm quyền kiểm soát. Quyền này được xác lập khi Công ty sở hữu trên 50% quyền biểu quyết hoặc có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư. Việc xác định quyền kiểm soát dựa trên bản chất thực tế của mối quan hệ, một khoản đầu tư vẫn được phân loại là công ty con dù tỷ lệ sở hữu dưới 50% nếu Công ty nắm quyền chi phối thực tế, và ngược lại.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh trước thời điểm mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh sau thời điểm mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm và không ghi nhận giá trị.

Việc xác định quyền kiểm soát và ảnh hưởng đáng kể được thực hiện trên cơ sở bản chất giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và không bị ảnh hưởng bởi kế hoạch thanh lý trong tương lai. Trường hợp quyền này bị hạn chế bởi các yếu tố pháp lý hoặc điều hành, Công ty đánh giá theo thực tế để phân loại khoản đầu tư. Khi không còn quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể, khoản đầu tư được ghi giảm; chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị ghi sổ được ghi nhận vào kết quả tài chính trong kỳ.

Tại ngày báo cáo, Công ty đánh giá khả năng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết trên cơ sở các bằng chứng khách quan và thông tin hiện có, bao gồm tình hình lỗ lũy kế, suy giảm giá trị tài sản hoặc khả năng thu hồi vốn của đơn vị được đầu tư, đối với các khoản đầu tư niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng được trích lập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị có thể thu hồi được xác định trên cơ sở giá trị hợp lý (nếu xác định được) hoặc giá trị tài sản thuần của đơn vị được đầu tư (được xác định trên cơ sở tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng tạo dòng tiền trong tương lai của đơn vị nhận đầu tư). Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và được hoàn nhập khi nguyên nhân dẫn đến việc trích lập không còn.

Việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được thực hiện căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp được đầu tư. Trường hợp đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, việc trích lập dự phòng được căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu phản ánh quyền đòi tiền hoặc lợi ích kinh tế của Công ty từ các đối tượng phát sinh từ các giao dịch đã thực hiện. Khoản phải thu được xác định theo giá trị gốc, theo dõi chi tiết theo đối tượng và kỳ hạn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu được trình bày theo giá trị gốc sau khi trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) đã trích lập.

Các khoản phải thu được phân loại trên cơ sở thời hạn thu hồi dự kiến và bản chất của khoản phải thu, đồng thời được trình bày là ngắn hạn hoặc dài hạn tùy thuộc vào thời gian thu hồi không quá hoặc trên 12 tháng kể từ ngày lập Báo cáo tài chính. Các khoản phải thu của Công ty bao gồm:

Phải thu của khách hàng là các khoản nợ phát sinh từ doanh thu từ hoạt động bán hàng với khách hàng, trong đó quyền thu tiền chỉ phụ thuộc vào yếu tố thời gian.

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu phát sinh ngoài hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, như ký cược, ký quỹ, các khoản cho mượn tiền và các khoản phải thu khác theo quy định. Đối với các khoản phải thu khác có giá trị trọng yếu, Công ty thực hiện theo dõi và thuyết minh chi tiết về bản chất giao dịch, giá trị, thời gian phát sinh, thời hạn hoàn trả/thu hồi, tình trạng quá hạn (nếu có) và các điều khoản liên quan theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu dựa trên các bằng chứng khách quan như: tình trạng nợ quá hạn, năng lực tài chính của khách nợ và các dấu hiệu suy giảm khả năng thanh toán khác. Dự phòng được trích lập đối với các khoản nợ quá hạn hoặc nợ chưa đến hạn nhưng có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ giá trị. Mức trích lập được xác định căn cứ vào tuổi nợ và đánh giá rủi ro thu hồi của từng khoản nợ cụ thể. Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Việc hoàn nhập được thực hiện khi số dự phòng cần lập thấp hơn số dự phòng hiện có trên sổ kế toán.

IV.5. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm các tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường, bao gồm: hàng hóa.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa hàng tồn kho đến địa điểm và trạng thái hiện tại, sau khi trừ các khoản giảm giá và chiết khấu. Tại ngày báo cáo, hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp này được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, theo đó các nghiệp vụ nhập, xuất và tồn kho được phản ánh thường xuyên, liên tục trên sổ kế toán.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định trên cơ sở giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết để tiêu thụ. Khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc trích lập và hoàn nhập được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa số dự phòng phải lập và số dự phòng đã ghi nhận.

IV.6. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình

TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do Công ty nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định hiện hành, bao gồm: chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy, có thời gian sử dụng trên 1 năm và có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.6. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình (tiếp theo)

Khi TSCĐ được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tùy thuộc vào nguồn hình thành, nguyên giá TSCĐ hữu hình được xác định như sau:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm bao gồm giá mua sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử và các chi phí liên quan khác. Đối với tài sản là bất động sản, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được xác định và ghi nhận riêng biệt theo quy định của pháp luật.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Phương tiện vận tải

5 năm

IV.7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các khoản chi phí phát sinh phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ như chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí khác không đáp ứng điều kiện ghi nhận là tài sản cố định.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hưởng lợi ước tính của từng khoản chi phí.

IV.8. Nguyên tắc kế toán phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các giao dịch hoặc sự kiện đã xảy ra và việc thanh toán nghĩa vụ này dự kiến làm giảm nguồn lực kinh tế của Công ty. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận khi nghĩa vụ có khả năng phát sinh và giá trị có thể được xác định một cách đáng tin cậy. Tại ngày báo cáo, các khoản nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn còn lại của nghĩa vụ thanh toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, nội dung, kỳ hạn thanh toán và loại tiền tệ nhằm phục vụ yêu cầu quản lý như sau:

Phải trả người bán phản ánh nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với người bán hàng hóa, dịch vụ và các đối tượng liên quan theo hợp đồng. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản ứng trước cho người bán. Các khoản chiết khấu và giảm giá (nếu có) được hạch toán riêng theo quy định.

Các khoản phải trả khác phản ánh các khoản phải trả, phải nộp không mang tính thương mại thông thường và không phát sinh trực tiếp từ hoạt động mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm kinh phí công đoàn. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và nội dung phải trả.

IV.9. Phúc lợi người lao động

Phúc lợi người lao động là các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản bảo hiểm bắt buộc và các khoản phúc lợi khác mà Công ty có nghĩa vụ chi trả cho người lao động theo quy định của pháp luật, hợp đồng lao động, quy chế của Công ty để đổi lấy dịch vụ mà người lao động đã cung cấp. Các khoản phúc lợi người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi người lao động đã cung cấp dịch vụ làm phát sinh nghĩa vụ hiện tại của Công ty. Các khoản chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận là khoản phải trả người lao động hoặc các khoản phải trả, phải nộp liên quan theo quy định.

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ trên cơ sở thời gian làm việc hoặc khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng lao động và các quy định có liên quan của Công ty.

Các khoản bảo hiểm bắt buộc, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo quy định của pháp luật và được ghi nhận là khoản phải trả cho đến khi thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.9. Phúc lợi người lao động (tiếp theo)

Các khoản khấu trừ vào tiền lương của người lao động theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận được ghi nhận là khoản phải trả hoặc phải nộp đối với các bên có liên quan cho đến khi được thanh toán.

Các khoản tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác (nếu có) được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, có khả năng làm phát sinh dòng tiền chi ra và giá trị của nghĩa vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

IV.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc chắc chắn sẽ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa có đủ chứng từ, chưa thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán, được ghi nhận trên cơ sở phù hợp giữa doanh thu và chi phí, bảo đảm chi phí được ghi nhận đúng kỳ kế toán phát sinh. Việc trích trước chi phí phải có căn cứ hợp lý, đáng tin cậy và được tính toán phù hợp với chi phí thực tế dự kiến phát sinh.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

IV.11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay của Công ty bao gồm các khoản vay ngân hàng ngắn hạn, vay ngân hàng dài hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế các khoản tiền đã nhận và các khoản còn phải thanh toán không bao gồm chi phí đi vay, đồng thời được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay, kỳ hạn vay và đồng tiền vay.

Các khoản vay có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán được phân loại là vay dài hạn. Các khoản có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở xuống hoặc Công ty không có quyền vô điều kiện để hoãn việc thanh toán trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được phân loại là vay ngắn hạn.

IV.12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh, trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đáp ứng điều kiện vốn hóa thì được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

IV.13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

IV.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 (năm) điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn 4 (bốn) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay.

Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

IV.15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

IV.16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay, chi phí dự phòng tổn thất đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

IV.17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh các chi phí quản lý chung của toàn bộ doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhân viên quản lý (lương, các khoản trích theo lương, bảo hiểm); chi phí đồ dùng văn phòng; các khoản thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc bộ phận văn phòng.

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc dồn tích tại thời điểm phát sinh, không phụ thuộc vào thời điểm thực tế chi trả tiền. Các khoản chi phí không được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ kế toán vẫn được ghi nhận đầy đủ vào chi phí kế toán trong kỳ và được điều chỉnh loại trừ khi tính thuế TNDN.

IV.18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc được hoàn) được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong năm. Thu nhập chịu thuế được xác định trên cơ sở lợi nhuận kế toán sau khi điều chỉnh các khoản chênh lệch theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm các khoản chi phí không được trừ, thu nhập được miễn thuế hoặc không chịu thuế, các khoản lỗ được chuyển theo quy định và các khoản điều chỉnh khác.

Các nghĩa vụ thuế của Công ty được kê khai và xác định trên cơ sở các quy định của pháp luật thuế hiện hành. Do việc áp dụng và diễn giải các quy định của pháp luật thuế có thể khác nhau, các báo cáo thuế của Công ty có thể được cơ quan thuế kiểm tra và xác định lại theo quy định. Chênh lệch (nếu có) giữa số thuế đã ghi nhận và số thuế theo kết luận của cơ quan thuế sẽ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính trong kỳ khi có quyết định hoặc kết luận chính thức của cơ quan thuế.

Trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% trên thu nhập chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.19. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

IV.20. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026. Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Tổng Giám đốc đánh giá hợp lý.

IV.21. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục quy định trong Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này là các khoản mục không có số dư.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không hạn chế sử dụng	30/6/2026	01/01/2026
Tiền mặt	523.915	14.487.915
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.728.072	20.144.739
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	15.215.473	163.050
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	1.006.920	19.482.866
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	4.428.303	421.447
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Tài Lộc	77.376	77.376
Cộng	21.251.987	34.632.654

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (xem thuyết minh chi tiết trang 29-30).

V.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Khách hàng là các bên liên quan				
- Xem thêm thuyết minh số IX.3	12.017.174	-	366.074.562	-
Công ty TNHH MTV Granite Thạch Phát	482.688.400	-	-	-
Các khách hàng khác	50.160.000	-	147.149.617	-
Cộng	544.865.574	-	513.224.179	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	(74.000.000)	74.000.000	(74.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh	30.000.000	(30.000.000)	30.000.000	(30.000.000)
Nhà cung cấp khác	-	-	228.784.657	-
Cộng	104.000.000	(104.000.000)	332.784.657	(104.000.000)

V.5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm thuyết minh số IX.3	1.848.511.627	-	11.655.000.000	-
Phải thu khác	201.000.000	(201.000.000)	201.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuất nhập khẩu Hồng Phát	201.000.000	(201.000.000)	201.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Cộng	2.050.011.627	(201.000.000)	11.856.500.000	-

V.6. Nợ xấu - Dự phòng phải thu khó đòi (xem thuyết minh chi tiết trang số 31).

V.7. Hàng tồn kho

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	349.379.508	-	-	-
Cộng	349.379.508	-	-	-

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải		Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	131.501.248		131.501.248
Số dư cuối kỳ	131.501.248		131.501.248
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	6.009.495		6.009.495
Số dư cuối kỳ	6.009.495		6.009.495
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	125.491.753		125.491.753

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026	01/01/2026
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan - Xem thêm thuyết minh số IX.3	11.857.800	159.009.480
Nhà cung cấp khác	74.335.100	114.741.800
Cộng	86.192.900	273.751.280

V.10. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026	01/01/2026
Công ty TNHH Đá Granite Thành Đức	97.937.856	-
Cộng	97.937.856	-

V.11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

V.11. a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2026
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	-	3.285.407	3.285.407	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.837.375	37.833.336	4.337.375	36.333.336
Cộng	2.837.375	41.118.743	7.622.782	36.333.336

V.11. b. Thuế và các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2026	Phát sinh tăng trong năm	Đã nhận/dã bù trừ trong năm	30/6/2026
Thuế TNDN nộp thừa	56.920.116	-	-	56.920.116
Cộng	56.920.116	-	-	56.920.116

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn dự kiến thu hồi hoặc thời hạn còn lại của nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật thuế và các thỏa thuận liên quan (nếu có).

Tổng Giám đốc đánh giá việc kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật thuế phụ thuộc vào cách hiểu và diễn giải của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại từng thời điểm. Do đó, số thuế quyết toán cuối cùng có thể khác với số liệu hiện đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế GTGT: Áp dụng phương pháp khấu trừ, thuế suất là 10% theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thông thường là 20%, trừ trường hợp được hưởng ưu đãi thuế.

Thuế thu nhập cá nhân: Được khấu trừ, kê khai và nộp thay người lao động theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	01/01/2026
Chi phí lãi vay phải trả	67.166.457	-
Cộng	67.166.457	-

V.13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	6.454.208	6.454.208
Cộng	6.454.208	6.454.208

V.14. Vay và nợ thuê tài chính (xem thuyết minh chi tiết trang số 32-33).

V.15. Vốn chủ sở hữu

V.15. a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	196.414.310.000	963.966.414	197.378.276.414
Lỗ trong kỳ	-	(233.543.364)	(233.543.364)
Số dư cuối kỳ trước	196.414.310.000	730.423.050	197.144.733.050
Số dư đầu kỳ này	196.414.310.000	(14.191.166.672)	182.223.143.328
Lỗ trong kỳ	-	(5.094.793.173)	(5.094.793.173)
Số dư cuối kỳ này	196.414.310.000	(19.285.959.845)	177.128.350.155

V.15. b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2026	01/01/2026
Ông Võ Xuân Phong	20,23%	39.734.060.000	29.734.060.000
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	21,05%	41.346.680.000	-
Cổ đông khác	58,72%	115.333.570.000	166.680.250.000
Cộng	100,00%	196.414.310.000	196.414.310.000
		06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025

V.15. c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	196.414.310.000	196.414.310.000
Vốn góp cuối kỳ	196.414.310.000	196.414.310.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

V.15. d. Cổ phiếu

	30/6/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.641.431	19.641.431
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.16. Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp

Loại tài sản	Giá trị ghi sổ (VNĐ)	Nghĩa vụ được bảo đảm	Bên nhận thế chấp	Thời hạn bảo đảm
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	1.000.000.000	Khoản vay ngắn hạn	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Yên	Đến 02/6/2027
Toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	98.000.000.000	Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Đến 30/08/2031
Cộng	99.000.000.000			

Trong thời gian tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm, Công ty vẫn được quyền quản lý, sử dụng và khai thác các tài sản này theo các điều khoản của hợp đồng tín dụng. Việc chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn hoặc sử dụng các tài sản bảo đảm cho các giao dịch khác phải được sự chấp thuận của bên nhận bảo đảm theo quy định của hợp đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

VI.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.835.028.185	5.639.265.090
Cộng	2.835.028.185	5.639.265.090

Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số IX.3.

VI.2. Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán	2.686.375.084	5.087.302.566
Cộng	2.686.375.084	5.087.302.566

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lãi cho vay	483.245.627	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.889	26.106
Cộng	483.259.516	26.106

Lãi tiền cho vay đối với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số IX.3.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.4. Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí lãi vay	80.656.895	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.861.033.669	199.360.663
Các khoản chi phí tài chính khác	396.000	-
Cộng	4.942.086.564	199.360.663

Chi phí lãi vay đối với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số IX.3.

VI.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí nhân viên quản lý	398.037.966	295.019.463
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.707.446	-
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	201.000.000	22.200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.021.350	144.582.279
Cộng	779.766.762	464.801.742

VI.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí nhân công	398.037.966	295.019.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.009.495	-
Chi phí dự phòng	201.000.000	22.200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.861.094.385	5.231.884.845
Chi phí khác bằng tiền	-	3.000.000
Cộng	3.466.141.846	5.552.104.308

VI.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.094.793.173)	(233.543.364)
2. Điều chỉnh tăng/(giảm) tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	4.852.466	137.369.831
Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	4.852.466	137.369.831
Các khoản chi phí không được trừ	4.852.466	137.369.831
3. Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN (3=1+2)	(5.089.940.707)	(96.173.533)
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành (4=3*20%) (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty chịu ảnh hưởng của các rủi ro tài chính phát sinh từ hoạt động kinh doanh và đầu tư, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Giám đốc thường xuyên theo dõi và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp nhằm hạn chế các tác động bất lợi của các rủi ro này.

VII.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

1.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh chủ yếu từ các khoản vay và tiền gửi có lãi suất của Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách theo dõi diễn biến lãi suất thị trường, cân đối cơ cấu nguồn vốn và duy trì khả năng thanh toán phù hợp.

1.2. Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

VII.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh từ khả năng khách hàng, đối tác hoặc các tổ chức tài chính không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc đánh giá năng lực tài chính của khách hàng, theo dõi công nợ thường xuyên và duy trì tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín.

VII.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty không có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến sự không phù hợp về thời gian giữa dòng tiền thu từ tài sản tài chính và các nghĩa vụ thanh toán nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp, đồng thời thường xuyên theo dõi dòng tiền và kế hoạch sử dụng vốn nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và duy trì các hạn mức tín dụng hiện có để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và các nghĩa vụ thanh toán trong tương lai.

VII.4. Rủi ro pháp lý và tuân thủ

Công ty quản lý rủi ro pháp lý và tuân thủ thông qua việc thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật, rà soát tính tuân thủ và thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

VIII.1. Các khoản tiền, tương đương tiền nhưng không được sử dụng

Tại ngày 30/6/2026, Công ty không có khoản tiền và tương đương tiền nào bị hạn chế sử dụng do quy định của pháp luật hoặc các ràng buộc khác.

VIII.2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.390.000.000	-

VIII.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(300.000.000)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

IX.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tại ngày 30/6/2026, Công ty không có khoản nợ tiềm tàng hoặc cam kết tài chính trọng yếu nào cần phải công bố.

IX.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phê duyệt Bản thuyết minh này yêu cầu phải thực hiện điều chỉnh số liệu hoặc công bố thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty.

IX.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Chi tiết đối tượng và mối quan hệ các bên liên quan chính trình bày như sau:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần ILA E&C

Công ty con

Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh

Công ty bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Ông Võ Xuân Phong

Chủ tịch HĐQT

Bà Hoàng Như Huế

Tổng Giám đốc

Bà Lê Thùy Trang

Vợ của Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Phúc

Kế toán trưởng sau ngày 23/4/2026

Ông Hoàng Minh Khánh

Kế toán trưởng đến ngày 10/4/2026

Tổng Giám đốc cam kết đã công bố đầy đủ danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà Công ty được biết. Công ty cam kết thực hiện các quy định về việc xác định giá giao dịch bên liên quan theo giá thị trường độc lập.

IX.3. a.1 Giao dịch phát sinh bên liên quan trên kết quả kinh doanh

Phát sinh trong kỳ

		06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.637.128.481	5.639.265.090
Công ty Cổ phần ILA E&C	Cung cấp hàng hóa	87.978.865	1.661.254.590
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Cho thuê	40.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Cung cấp hàng hóa	2.509.149.616	3.978.010.500
2. Mua hàng hóa dịch vụ		1.217.735.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Mua hàng hóa	1.217.735.000	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính		483.245.627	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Lãi cho vay	483.245.627	-
4. Chi phí tài chính		65.097.068	-
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	Lãi vay	65.097.068	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

IX.3. a.2. Giao dịch thu - chi tiền và giao dịch khác bên liên quan trong kỳ	Phát sinh trong kỳ	
	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Tiền thu từ cung cấp dịch vụ	3.252.339.139	6.101.311.697
Công ty Cổ phần ILA E&C	83.000.000	1.703.708.697
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	43.200.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	3.126.139.139	4.397.603.000
2. Thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ	1.462.305.480	-
Công ty Cổ phần ILA E&C	159.009.480	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	1.303.296.000	-
3. Tiền chi cho vay	7.082.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	7.082.000.000	-
4. Chuyển đổi từ cho mượn sang cho vay (*)	5.470.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	5.470.000.000	-
(*) Trong kỳ, Công ty chuyển đổi khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA mượn với số tiền là 5.470.000.000 VND sang thành khoản cho vay theo Biên bản thỏa thuận ngày 02/01/2026 và Hợp đồng vay số 01/2026/HĐCV-ILA ngày 06/01/2026.		
5. Tiền thu từ cho vay	2.026.400.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	2.026.400.000	-
6. Tiền thu lãi từ cho vay	228.534.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	228.534.000	-
7. Tiền chi cho mượn	1.853.800.000	-
Công ty Cổ phần ILA E&C	1.853.800.000	-
8. Tiền thu từ cho mượn	6.745.000.000	-
Công ty Cổ phần ILA E&C	6.745.000.000	-
9. Tiền thu từ đi mượn	-	1.370.000.000
Công ty Cổ phần ILA E&C	-	1.370.000.000
10. Tiền trả từ đi mượn	-	9.630.000.000
Công ty Cổ phần ILA E&C	-	1.370.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	-	8.260.000.000
11. Tiền chi trả khoản vay	300.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	300.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

347-
TY
H
AN V
IN HO
AISC
HỘ C

IX.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

IX.3. b. Số dư với các bên liên quan - Các khoản phải thu, phải trả		Số dư tại ngày	
		30/6/2026	01/01/2026
1. Phải thu về cho vay ngắn hạn		10.525.600.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Gốc và lãi cho vay	10.525.600.000	-
2. Phải thu khách hàng ngắn hạn		12.017.174	366.074.562
Công ty Cổ phần ILA E&C	Cung cấp dịch vụ	12.017.174	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Cung cấp dịch vụ	-	366.074.562
3. Phải thu ngắn hạn khác		1.848.511.627	11.655.000.000
Công ty Cổ phần ILA E&C	Cho mượn tiền	1.293.800.000	6.185.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Lãi cho vay	254.711.627	5.470.000.000
Bà Hoàng Như Huế	Ứng trước tiền lương (*)	300.000.000	-
(*) Trong kỳ, Công ty ứng trước 12 tháng tiền lương cho Bà Hoàng Như Huế - Tổng Giám đốc với tổng số tiền tạm ứng là 600.000.000 VND. Số dư tiền lương ứng trước còn lại tại ngày 30/6/2026 là 300.000.000 VND.			
4. Phải trả người bán ngắn hạn		11.857.800	159.009.480
Công ty Cổ phần ILA E&C	Mua hàng hóa	11.857.800	159.009.480
5. Phải trả vay		700.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	Vay tiền	700.000.000	1.000.000.000

IX.3. c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bên Công ty

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất thu nhập	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Bà Hoàng Như Huế	Tổng Giám đốc	Lương	333.333.335	-
Ông Đặng Xuân Hữu	Nguyên Tổng Giám đốc	Lương	-	126.370.406
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	Lương	45.000.000	78.721.387
Ông Hoàng Minh Khánh	Kế toán trưởng đến ngày 10/4/2026	Lương	15.902.778	-

Trong kỳ, Hội đồng quản trị của Công ty không nhận thù lao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX.4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Công ty bị lỗ 5.094.793.173 VND dẫn đến lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2026 là 19.285.959.845 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty đã có những đánh giá thận trọng, đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty trong 12 tháng tiếp theo:

- Công ty sẽ thực hiện kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng cho các nhà thầu phụ tại các Công trình như Aqua, Laiman, SaiGon Land, Sông Town tiểu khu Maroc...

- Kế hoạch hoạt động của các công ty con, cũng được cơ cấu và hoạt động có hiệu quả hơn trong năm 2026, bằng việc tiếp tục duy trì các công trình đã và sẽ ký hợp đồng, hoạt động khai thác mỏ đá đi vào khai thác đạt công suất cao hơn cùng kỳ.

- Công ty Cổ phần ILA E&C tiếp tục thực hiện thi công các công trình dở dang, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu để ghi nhận doanh thu với giá trị là 37.000.000.000 VND ở các công trình như sau: Aqua, SaiGon Land, Laimian, Hải Giang, Vũng Tàu Pearl,...; tiến hành đấu thầu và ký hợp đồng các dự án mới với giá trị 45.000.000.000 VND như các công trình sau: sửa chữa trụ sở Công an, Sông Town tiểu khu Maroc, Lan Anh, Sai Gon Pearl,...; thương mại vật liệu xây dựng và các mặt hàng khác giá trị 6.000.000.000 VND như: đồng, hạt nhựa, đá xây dựng.

- Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA thực hiện cung cấp đá xây dựng và đá ốp lát cho các khách hàng hiện hữu với giá trị 20.000.000.000 VND và triển khai ký với các khách hàng mới là 15.000.000.000 VND.

- Trường hợp, các kế hoạch của Công ty trong năm 2026 diễn ra không thuận lợi, không đảm bảo kế hoạch thanh toán nợ thì tùy tình hình thực tế, Công ty sẽ áp dụng một trong các biện pháp khắc phục:

+ Các cổ đông lớn của Công ty cam kết cung cấp nguồn tài chính khi cần thiết để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán của Công ty; sẵn sàng sử dụng các tài sản cá nhân để bảo lãnh các khoản vay của Công ty.

Tổng Giám đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn, các kế hoạch được đưa ra là khả thi và Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

Người lập

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Văn Phúc

Hoàng Như Huê



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
a1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	11.525.600.000	11.525.600.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Yên	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cho vay bên liên quan	10.525.600.000	10.525.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	10.525.600.000	10.525.600.000	-	-
Cộng	11.525.600.000	11.525.600.000	-	-

a2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đang được cầm cố, bảo lãnh, thế chấp

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Yên với giá trị theo thỏa thuận tiền gửi là 1.000.000.000 VND, lãi suất 8,95%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0206/ILA/HIDHM ngày 02/6/2026 - Xem thêm thuyết minh V.14.

a3. Thuyết minh biến động tăng/giảm trong năm

Giá trị đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến khoản tiền gửi có kỳ hạn tăng trong kỳ có giá trị tăng thêm là 1.000.000.000 VND.

Giá trị đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến các khoản cho vay tăng trong kỳ chủ yếu là do Công ty cho bên liên quan vay, tổng giá trị tăng thêm là 10.525.600.000 VND.

a4. Thuyết minh các khoản cho vay Bên liên quan

Chi tiết đối tượng cho vay là bên liên quan được trình bày tại thuyết minh bên liên quan số IX.3.

Khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA vay không có tài sản bảo đảm theo Hợp đồng vay số 01/2026/HĐCV-ILA ngày 06/01/2026 có hạn mức cho vay tối đa là 15.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng (ngày đáo hạn là 01/12/2026), lãi suất 12%/năm, giải ngân theo từng giấy đề nghị giải ngân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/6/2026		01/01/2026	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
186.250.000.000	166.022.754.878	(20.227.245.122)	170.883.788.547
88.250.000.000	74.211.333.483	(14.038.666.517)	76.782.353.001
98.000.000.000	91.811.421.395	(6.188.578.605)	94.101.435.546
186.250.000.000	166.022.754.878	(20.227.245.122)	170.883.788.547
b2. Tình hình đầu tư và hoạt động các khoản đầu tư vào Công ty con trong kỳ			
186.250.000.000	166.022.754.878	(20.227.245.122)	170.883.788.547
88.250.000.000	74.211.333.483	(14.038.666.517)	76.782.353.001
98.000.000.000	91.811.421.395	(6.188.578.605)	94.101.435.546
186.250.000.000	166.022.754.878	(20.227.245.122)	170.883.788.547

(1) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần ILA E&C ("ILA E&C"). ILA E&C được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310259362 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2010 và được thay đổi lần 8 vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ILA E&C là 98% và khoản đầu tư đã được dự phòng theo đúng quy định.

(2) Căn cứ theo Nghị quyết số 1309/NQ-HĐQT ngày 13/9/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông Hưng Thịnh Bình Định ("Hưng Thịnh Bình Định"). Hưng Thịnh Bình Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101563415 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2020 và lần thay đổi gần đây nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2024 để đổi tên thành Công ty Cổ phần khoáng sản ILA (KS ILA), hoạt động kinh doanh chính là khai thác mỏ và sản xuất các sản phẩm từ mỏ đá. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại KS ILA là 98% và khoản đầu tư đã được dự phòng theo đúng quy định.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào đơn vị để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

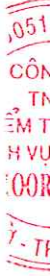
V.6. a. Nợ xấu - Nợ phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	30/6/2026				01/01/2026	
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Trả trước cho người bán	104.000.000	-	-	104.000.000	-	-
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	74.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	30.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
Phải thu khác	201.000.000	-	-	201.000.000	201.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuất nhập khẩu Hồng Phát	201.000.000	-	Mất khả năng thu hồi	201.000.000	201.000.000	-
Cộng	305.000.000	-	-	305.000.000	201.000.000	-

V.6. b. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu

Dự phòng nợ phải thu khó đòi các khoản sau

	01/01/2026	Trích lập dự phòng	Hoàn nhập dự phòng	Điều chỉnh tăng (giảm) khác	30/6/2026
Trả trước cho người bán ngắn hạn	104.000.000	-	-	-	104.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	-	201.000.000	-	-	201.000.000
Tổng	104.000.000	201.000.000	-	-	305.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.14. Vay ngắn hạn

Khoản mục	Trong kỳ		01/01/2026
	Tăng	Giảm	
(1) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.390.000.000	-	-
(2) Vay ngắn hạn bên liên quan	700.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	3.090.000.000	300.000.000	1.000.000.000

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
ThauchionlineSME-3771650 ngày 26/5/2026	12 tháng	13,50%	1.400.000.000	Tin chấp
Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0206/ILA/HDHM ngày 02/6/2026 và Thư tín dụng số TF2615501064PHY ngày 05/6/2026	180 ngày	7,9%/năm	500.000.000	Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0206/ILA/HDHM ngày 02/6/2026 và Thư tín dụng số T2616101008PHY ngày 10/6/2026	175 ngày	7,9%/năm	490.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.14. Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Thuyết minh vay bên liên quan

(2) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh - Xem thêm thuyết minh số IX.3 gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn trả	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
08/25/HĐV-AMA-ILA và Phụ lục hợp đồng ngày 01/02/2026	30/05/2026. Đến nay khoản vay đã quá hạn chưa được thanh toán.	Lãi suất vay kỳ hạn 06 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại thời điểm tất toán khoản vay	700.000.000	Quyền hoán đổi một phần hoặc toàn phần giá trị khoản vay sang quyền sở hữu cổ phần

